

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **122/2024/DS-ST**  
Ngày: 05-9-2024.  
(V/v: Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích N

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung L; Ông Nguyễn B.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Giang Ngọc H, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 577/2024/QĐXXST-DS ngày: 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 610/2024/QĐST-DS ngày: 20/8/2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: số B - B, đường N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc H - Chức vụ: Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông H ủy quyền lại cho bà Phan Thị Bạch V - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số: 64/2024/GUQ-CNBT ngày 22/01/2024) và ông Nguyễn Thái H1, Giấy ủy quyền số 74/2024/GUQ-CNBT, ngày 22/01/2024).

Trụ sở Chi nhánh: số C, đường T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Ông Trương Công Q, sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT: số 265/27, đường T, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái H1 trình bày:* ngày 14/9/2022, ông Trương Công Q có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 211251 - 6728; 472074 - 9104 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 60.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,766%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trương Công Q đã giao dịch với tổng số tiền là 102.700.000 đồng, phí và lãi phát sinh là 14.062.792 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 90.067.271 đồng, dư nợ tính đến ngày 05/9/2024 là 26.695.521 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, ông Q còn khoản vay tiêu dùng thẻ là 54.000.000 đồng, (dựa trên hạn mức thẻ tín dụng được cấp), phí và lãi phát sinh là 18.966.218 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 33.621.521 đồng dư nợ của khoản vay này là 39.344.697 đồng

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trương Công Q vẫn không có thiện chí trả nợ, do ông Trương Công Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

- Ngày 10/5/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ số 472074 - 9104 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 23.078.191 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,149%/tháng (= 2,766%/tháng x 150%) (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Lãi phát sinh từ ngày 10/5/2024 đến ngày 05/9/2024 là: 3.617.330 đồng

- Ngày 25/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ số 211251 - 6728 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 34.058.479 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,149%/tháng (= 2,766%/tháng x 150%) (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Lãi phát sinh từ ngày 25/4/2024 đến ngày 05/9/2024 là: 5.286.218 đồng

Như vậy, tính đến ngày 05/9/2024, ông Trương Công Q còn nợ Ngân hàng số tiền là 66.040.218 đồng, trong đó nợ gốc 57.136.670 đồng, nợ lãi 8.903.548 đồng, (đều là Lãi quá hạn).

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu ông Trương Công Q có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tuyên:

1. Buộc ông Trương Công Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 66.040.218 đồng, trong đó nợ gốc 57.136.670 đồng, nợ lãi 8.903.548 đồng, (đều là Lãi quá hạn).

2. Ông Trương Công Q có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

3. Bị đơn phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

*Bị đơn ông Trương Công Q vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án không lý do, Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông Q.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến:* Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 70, 71, 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 BLTTDS 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466 BLDS 2015, Điều 91, 93, 95 Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn: Buộc ông Trương Công Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí tính đến ngày 05/9/2024 số tiền là 66.040.218 đồng, trong đó nợ gốc 57.136.670 đồng, nợ lãi 8.903.548 đồng, (đều là Lãi quá hạn), theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 211251 - 6728; 472074 - 9104, ký ngày 14/9/2022; đồng thời ông Trương Công Q phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng nêu trên từ ngày 06/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S. Ngoài ra Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:**

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn ông Trương Công Q có địa chỉ tại số B, đường T, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ông Trương Công Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 10/5/2024 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

#### **[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Trương Công Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 211251 - 6728; 472074 - 9104 do ông Q ký với Ngân hàng ngày 14/9/2022. Tính đến ngày 05/9/2024, ông Trương Công Q còn nợ ngân hàng số tiền

là: 66.040.218 đồng, trong đó nợ gốc 57.136.670 đồng, nợ lãi 8.903.548 đồng, (đều là Lãi quá hạn) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ, ngoài ra ông Q còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác (Nếu có).

Xét yêu cầu trên HĐXX nhận thấy: giữa Ngân hàng TMCP S và ông Trương Công Q có ký Hợp đồng cho ông Trương Công Q vay cụ thể theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 211251 - 6728; 472074 - 9104 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 60.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,766%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trương Công Q đã giao dịch với tổng số tiền là 102.700.000 đồng, phí và lãi phát sinh là 14.062.792 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 90.067.271 đồng, dư nợ tính đến ngày 05/9/2024 là 26.695.521 đồng. Ngoài ra, ông Q còn khoản vay tiêu dùng thẻ là 54.000.000 đồng, (dựa trên hạn mức thẻ tín dụng được cấp), phí và lãi phát sinh là 18.966.218 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 33.621.521 đồng dư nợ của khoản vay này là 39.344.697 đồng. Hiện khoản vay thẻ số 472074 - 9104 đã quá hạn từ ngày 10/5/2024 và đối với số thẻ 211251 - 6728 đã quá hạn từ ngày 25/4/2024.

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, ông Trương Công Q đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng thẻ tín dụng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ký ngày 14/9/2022.

Tuy nhiên, sau đó ông Q không thực hiện việc trả nợ đúng hạn, làm phát sinh nợ quá hạn như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay nợ. Tính đến ngày 05/9/2024, ông Trương Công Q còn nợ Ngân hàng số tiền là 66.040.218 đồng, trong đó nợ gốc 57.136.670 đồng, nợ lãi 8.903.548 đồng, (đều là Lãi quá hạn) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ, ngoài ra ông Q còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thông báo, gửi Thông báo nợ nhằm xử lý khoản nợ quá hạn nhưng ông Q thường xuyên không thực hiện theo cam kết trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy chứng tỏ phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong hợp đồng việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp.

Về tiền lãi: Do Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/9/2022 ông Trương Công Q đã ký với Ngân hàng TMCP S phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng. Phía bị đơn phải trả tiền lãi như các hợp đồng đã ký kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng nợ lãi 8.903.548 đồng (đều là Lãi quá hạn) và lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2024

theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Khoản vay này ông Q không có tài sản thế chấp.

Từ những nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố P là phù hợp.

### **[3] Về án phí:**

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Căn cứ vào:** Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 93, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật Thi hành án Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Công Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tính đến ngày 05/9/2024 là: 66.040.218 đồng, trong đó nợ gốc 57.136.670 đồng, nợ lãi 8.903.548 đồng, (đều là Lãi quá hạn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2024) ông Trương Công Q còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 211251 - 6728; 472074 - 9104.

**3. Về án phí:** Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Trương Công Q phải chịu 3.302.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 13/6/2024 nguyên đơn đã nộp 1.451.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001875 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (05/9/2024), đối với bị đơn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết;
- CC. Thi hành án dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích N**